



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 22

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|-----------|--|---|
| 15-9-2025 | Nghị quyết số 38/NQ-HĐND về việc áp dụng và bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. | 3 |
| 15-9-2025 | Nghị quyết số 39/NQ-HĐND về việc áp dụng và bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. | 7 |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|-----------|---|----|
| 30-9-2025 | Quyết định số 01464/QĐ-UBND về việc áp dụng và bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. | 12 |
| 30-9-2025 | Thông báo số 093/TB-UBND danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nội vụ do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành tiếp tục có hiệu lực theo địa giới hành chính trước khi sắp xếp. | 17 |

-
- | | | |
|------------|---|----|
| 02-10-2025 | Quyết định số 01543/QĐ-UBND về việc áp dụng và bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (cũ) ban hành trước sắp xếp tỉnh. | 19 |
| 03-10-2025 | Quyết định số 01548/QĐ-UBND về việc áp dụng và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nội vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. | 21 |
| 10-10-2025 | Quyết định số 01630/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk. | 28 |
| 21-10-2025 | Quyết định số 01732/QĐ-UBND về việc áp dụng và bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. | 42 |
| 22-10-2025 | Thông báo số 0127/TB-UBND danh mục văn bản QPPL trong lĩnh vực an ninh, trật tự do UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành tiếp tục có hiệu lực theo địa giới hành chính trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. | 46 |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 38/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc áp dụng và bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật
trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch do Hội đồng nhân dân tỉnh
Đắk Lắk (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây)
ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 64/2025/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc
hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày
01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để
tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 058/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh trình Dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng và bãi bỏ các nghị quyết quy
phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch do Hội đồng nhân dân
tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước
sắp xếp tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2025 của
Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 0100/BC-UBND ngày 14 tháng
9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình nội dung thẩm tra của
Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 83/BC-HĐND ngày 13 tháng
9 năm 2025; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Áp dụng các nghị quyết**

Áp dụng thống nhất các Nghị quyết quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới), bao gồm:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành

a) Nghị quyết số 125/2014/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2014 cơ cấu giải thưởng Văn học - Nghệ thuật Chư Yang Sin tỉnh Đắk Lắk.

b) Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 về quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại giải thể thao trong nước và quốc tế (hết hiệu lực một phần).

c) Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2023 về hỗ trợ đối với nghệ nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

d) Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế.

2. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành

a) Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 về quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao; mức chi đối với các giải thi đấu thể thao và các chế độ khác cho hoạt động thể dục thể thao do địa phương quản lý (hết hiệu lực một phần).

b) Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 quy định về nội dung và mức chi giải thưởng báo chí tỉnh Phú Yên.

c) Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Bãi bỏ các nghị quyết

Bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Hội đồng nhân dân

tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành

a) Nghị quyết số 58/2012/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2012 về việc quy định chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao và bồi dưỡng cho các lực lượng phục vụ giải (Hết hiệu lực một phần).

b) Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 quy định nội dung và mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập trung tập huấn, thi đấu của tỉnh.

2. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành

a) Nghị quyết số 111/2014/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2014 quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình ở các đài phát thanh, truyền hình các cấp.

b) Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 quy định chế độ nhuận bút tác phẩm phát thanh đối với hoạt động truyền thanh cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các Nghị quyết được tiếp tục áp dụng tại Điều 1 Nghị quyết này có nội dung dẫn chiếu đến các văn bản khác của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tương ứng trước sắp xếp, mà các văn bản được viện dẫn không được lựa chọn áp dụng hoặc bị bãi bỏ thì thực hiện theo văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung, phạm vi điều chỉnh tương ứng được cơ quan có thẩm quyền lựa chọn áp dụng hoặc văn bản mới do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa X, Kỳ họp

Chuyên đề lần thứ Hai thông qua ngày 15 tháng 9 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 39/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc áp dụng và bãi bỏ các nghị quyết quy phạm pháp luật
trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường do Hội đồng nhân dân
tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây)
ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày
01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và
Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm
tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 065/TTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh trình dự thảo Nghị quyết về việc áp dụng và bãi bỏ các nghị quyết
quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường do Hội đồng nhân
dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban
hành trước sắp xếp tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 64/BC-HĐND ngày 12 tháng 9
năm 2025 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 093/BC-
UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình
nội dung thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo số
64/BC-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2025; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Áp dụng các nghị quyết**

Áp dụng thống nhất các nghị quyết quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới), bao gồm:

1. Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành

a) Nghị quyết số 78/2012/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2012 về việc quy định một số chính sách bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk.

b) Nghị quyết số 141/2014/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2014 về an toàn hồ chứa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

c) Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định mức chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

d) Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

đ) Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 78/2012/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk.

e) Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022 về Chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm và thủy sản gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2025.

g) Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 quy định nội dung, mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

h) Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành

a) Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 quy định nội dung và mức hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021 - 2025.

b) Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

c) Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 quy định mức hỗ trợ công trình phúc lợi cho các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

d) Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 ban hành Quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

đ) Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2024 quy định mức hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến năm 2030.

e) Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 ban hành quy định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

g) Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2025 quy định thẩm quyền Quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

h) Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2023 quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm và trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

i) Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2023 mức hỗ trợ giống trồng cây ăn quả giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Bãi bỏ các nghị quyết

Bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm:

1. Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành

Nghị quyết số 41/2011/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2011 về xây dựng Hệ thống khuyến nông viên cơ sở tỉnh Đắk Lắk.

2. Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành

a) Nghị quyết số 97/2008/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2008 về quy định khung đất ở tái định cư cho các dự án lọc, hóa dầu thuộc khu vực huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

b) Nghị quyết số 94/2008/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2008 về tập trung chỉ đạo thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

c) Nghị quyết số 118/2008/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2008 về quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Phú Yên đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

d) Nghị quyết số 134/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2009 giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thu hồi đất, giao đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết việc làm tại các dự án lớn trên địa bàn tỉnh.

đ) Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2011 về quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2011 - 2020.

e) Nghị quyết số 99/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 về việc bổ sung, sửa đổi Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND, ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011 - 2020.

g) Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 quy định về một số nội dung và định mức hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2018 - 2020.

h) Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 ban hành Quy định mức hỗ trợ phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2020 - 2022.

i) Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

k) Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

l) Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2023 quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội

dùng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các nghị quyết được tiếp tục áp dụng tại Điều 1 Nghị quyết này có nội dung dẫn chiếu đến các văn bản khác của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tương ứng trước sắp xếp, mà các văn bản được viện dẫn không được lựa chọn áp dụng hoặc bị bãi bỏ thì thực hiện theo văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung, phạm vi điều chỉnh tương ứng được cơ quan có thẩm quyền lựa chọn áp dụng hoặc văn bản mới do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Hai thông qua ngày 15 tháng 9 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 01464/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc áp dụng và bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 066/TTr-SVHTTDL ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Công văn số 01156/SVHTTDL-TCPC ngày 18 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng các quyết định

Áp dụng thống nhất các quyết định quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm:

1. Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh.

2. Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định mức chi trả nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng tải trên Cổng/trang thông tin điện tử; Bản tin của các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội; Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, thị xã, thành phố; Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định về tổng diện tích các phòng máy của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng và thời gian hoạt động của đại lý Internet, điểm truy cập Internet công cộng của doanh nghiệp không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế phối hợp công tác bảo vệ an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh lập thành tích tại giải thể thao cấp tỉnh, các đại hội, giải thể thao quốc gia.

6. Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

7. Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

8. Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

9. Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi trả nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng tải trên Cổng, Trang thông tin điện tử; Bản tin của các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội; Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, thị xã, thành phố; Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

10. Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

11. Quyết định số 52/2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động du lịch

trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

12. Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý và cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

13. Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

14. Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Bãi bỏ các quyết định

Bãi bỏ toàn bộ các quyết định quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm:

1. Quyết định số 1250/2007/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành “Quy chế hoạt động Đoàn kiểm tra liên ngành giữa các ngành có liên quan: Sở Bưu chính, Viễn thông, Sở Văn hóa - Thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an tỉnh trong việc kiểm tra hoạt động Internet, Game Online trên địa bàn tỉnh Phú Yên”.

2. Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (hết hiệu lực một phần).

4. Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia và các giải thi đấu của tỉnh.

5. Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội giữa cơ quan Công an và cơ quan nhà nước về văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

6. Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội kiểm

tra liên ngành văn hóa, thể thao, du lịch và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

7. Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

8. Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

9. Quyết định 08/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về ban hành Quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh.

10. Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định mức hoạt động và mức chi đặc thù của Đội tuyên truyền lưu động cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

11. Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

12. Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao đối với công/trang thông tin điện tử; bản tin; xuất bản phẩm không kinh doanh của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh Phú Yên.

13. Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi trả chế độ nhuận bút, thù lao đối với công/trang thông tin điện tử; bản tin; xuất bản phẩm không kinh doanh của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

14. Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành văn hóa, thể thao, du lịch và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

15. Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Trường hợp các quyết định được tiếp tục áp dụng tại Điều 1 Quyết định này có nội dung dẫn chiếu đến các văn bản khác của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tương ứng trước sắp xếp mà các văn bản này đã bị bãi bỏ, thì thực hiện theo văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung, phạm vi điều chỉnh tương ứng do cơ quan có thẩm quyền lựa chọn áp dụng.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Mỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 093/TB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 30 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nội vụ do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành tiếp tục có hiệu lực theo địa giới hành chính trước khi sắp xếp

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 0167/NQ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về nội dung trình xin ý kiến thành viên UBND tỉnh;

Trên cơ sở Công văn số 0508/UBND-NC ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 sau hợp nhất đơn vị hành chính tỉnh, đơn vị hành chính cấp xã;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 0276/TTr-SNV ngày 09 tháng 9 năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thông báo danh mục các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nội vụ do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi địa giới hành chính trước khi sắp xếp, cụ thể như sau:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) tiếp tục áp dụng trên phạm vi địa giới hành chính tỉnh Đắk Lắk (cũ)

Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) tiếp tục áp dụng trên phạm vi địa giới hành chính tỉnh Đắk Lắk (cũ)

a) Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) tiếp tục áp dụng trên phạm vi địa giới hành chính tỉnh Phú Yên (trước đây)

a) Nghị quyết số 153/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về chính sách thu hút trí thức trẻ về công tác ở cấp xã.

b) Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên quy định chức danh, kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức hỗ trợ và phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

4. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) tiếp tục áp dụng trên phạm vi địa giới hành chính tỉnh Phú Yên (trước đây)

a) Quyết định số 1109/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định về chính sách thu hút trí thức trẻ về công tác ở cấp xã.

b) Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

c) Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định về quản lý, sử dụng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thông báo Danh mục văn bản đến các sở, ban, ngành; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Mỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01543/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc áp dụng và bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật
trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ)
và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (cũ) ban hành trước sắp xếp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐCP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 14/TTr-SDTTG ngày 14/8/2025 và Công văn số 735/SDTTG-VP ngày 25/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng các quyết định

Áp dụng thống nhất các quyết định quy phạm pháp luật trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo do UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới), bao gồm:

1. Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định vùng tạo nguồn nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Bãi bỏ các quyết định

Bãi bỏ toàn bộ các quyết định quy phạm pháp luật trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo do UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và UBND tỉnh Phú Yên (cũ) ban hành trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới), bao gồm:

1. Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành

Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phân cấp 02 thủ tục hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (cũ) ban hành

Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh Phú Yên quy định phân cấp thẩm quyền giải quyết 02 thủ tục hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo của UBND tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trường hợp các quyết định được tiếp tục áp dụng tại Điều 1 Quyết định này có nội dung dẫn chiếu đến các văn bản khác của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tương ứng trước sắp xếp, mà các văn bản này không được lựa chọn áp dụng hoặc bị bãi bỏ, thì thực hiện theo văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung, phạm vi điều chỉnh tương ứng do cơ quan có thẩm quyền lựa chọn áp dụng hoặc văn bản mới do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01548/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc áp dụng và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật
trong lĩnh vực nội vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ)
và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành
trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 0167/NQ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về nội dung trình xin ý kiến thành viên UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 0404/TTr-SNV ngày 30/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng các quyết định quy phạm pháp luật

Áp dụng thống nhất các quyết định quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới), bao gồm:

1. Các quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành

a) Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị Nhà nước về thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

c) Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk.

d) Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định về mức thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

đ) Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

e) Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

g) Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Đắk Lắk.

h) Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến từ nguồn ngân sách Trung ương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành

a) Quyết định số 2425/2002/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc hỗ trợ tiền ăn cho thương bệnh binh nặng trên địa bàn tỉnh.

b) Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù hoạt động trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

c) Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế Văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

d) Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc trên môi trường điện tử đối với các cơ quan nhà nước của tỉnh Phú Yên.

đ) Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế văn hoá công sở tại các cơ

quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (*trừ quy định về thời gian làm việc tại khoản 2 Điều 1 Quyết định*).

e) Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin Phần mềm cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Phú Yên và cập nhật, đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

g) Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

h) Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quy định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật

Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực nội vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp tỉnh, bao gồm:

1. Các quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành

a) Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Lắk.

b) Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ.

c) Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

d) Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm.

đ) Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quản lý.

e) Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản

lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND.

g) Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

h) Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và ngành đào tạo của công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

i) Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Các quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành

a) Quyết định số 1351/2007/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định thành phần, quy chế hoạt động của Hội đồng kỷ luật và thẩm quyền xử lý kỷ luật công chức cấp xã.

b) Quyết định số 495/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

c) Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

d) Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

đ) Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định chi tiết về phạm vi đối tượng, điều kiện, ngành nghề cần đào tạo sau đại học và thu hút, sử dụng trí thức; quyền lợi và trách nhiệm của đối tượng được đào tạo, thu hút.

e) Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức tỉnh Phú Yên.

g) Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về ban hành quy định chi tiết về phạm vi đối tượng, điều kiện, ngành nghề cần đào tạo sau đại học và thu hút, sử dụng trí thức; quyền lợi và trách nhiệm của đối tượng được đào tạo, thu hút.

h) Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành quy định tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước khi từ trần.

i) Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Phú Yên.

k) Quyết định số 60/2015/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc bổ sung khoản 4 Điều 13 Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên, ban hành kèm theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

l) Quyết định số 76/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế liên thông giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện có sự phối hợp thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

m) Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của trưởng phòng chuyên môn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

n) Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định các ngành đào tạo phù hợp với các chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

o) Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định xin lỗi tổ chức, cá nhân khi giải quyết thủ tục hành chính sai sót, trễ hạn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

p) Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

q) Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định cử công chức, viên chức luân phiên làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

r) Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của trưởng phòng chuyên môn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được ban hành kèm theo Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

s) Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập

thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên

t) Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của tỉnh Phú Yên.

u) Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các ngành đào tạo phù hợp với các chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

v) Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên.

x) Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

y) Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

3. Bãi bỏ các chỉ thị do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành

a) Chỉ thị số 09/2007/CT-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ.

b) Chỉ thị số 25/2007/CT-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc triển khai thực hiện Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện.

c) Chỉ thị số 06/2009/CT-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng

các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Mỹ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01630/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 0199/NQ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về nội dung trình xin ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 0396/TTr-SNV ngày 26 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới và theo phân công, phân cấp hoặc ủy

quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nội vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nội vụ.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ.

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cho Sở Nội vụ, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; phân cấp, ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ mà Ủy ban nhân dân tỉnh được giao theo quy định của pháp luật.

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục thuộc Sở Nội vụ (nếu có).

đ) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nội vụ (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác).

e) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao của Sở Nội vụ.

4. Về tổ chức bộ máy

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

- Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực nội vụ của Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quản lý nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Thẩm định đối với các dự thảo văn bản:

- Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực nội vụ trong chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh, cấp xã;

- Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác);

- Thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Thẩm định, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Về vị trí việc làm, biên chế công chức

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, quản lý vị trí việc làm và biên chế công chức theo phân công, phân cấp và theo quy định của Đảng, quy định của pháp luật;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Thẩm định, tổng hợp và lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm hoặc theo giai đoạn; điều chỉnh biên chế công chức của các cơ quan, tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp xã gửi Bộ Nội vụ theo quy định của pháp luật;

- Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức của cơ quan, tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp xã trong tổng số biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; trình Hội đồng nhân

dân tình số lượng ký hợp đồng lao động làm chuyên môn nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn theo quy định.

c) Tổng hợp vị trí việc làm và ngạch công chức tương ứng của cơ quan, tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp xã; trình Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi Bộ Nội vụ theo quy định của pháp luật.

6. Về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Thẩm định đề án vị trí việc làm, đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Thẩm định số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (nếu có) của các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên của địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định;

- Trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được Bộ Nội vụ thẩm định;

- Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trong tổng số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

- Quyết định về số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc phạm vi quản lý; số lượng người ký hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn;

- Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

c) Tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính (do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; bảo đảm một phần chi thường xuyên; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định của pháp luật.

7. Về thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Quyết định theo phân cấp hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ chính sách khác theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Về cải cách hành chính

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân công các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của công tác cải cách hành chính.

b) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Chỉ đạo, triển khai chương trình, kế hoạch và các văn bản khác của cơ quan cấp trên về cải cách hành chính;

- Quyết định các biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính theo chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Triển khai xác định, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính; đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước hằng năm trên địa bàn tỉnh theo quy định, hướng dẫn của Bộ Nội vụ ban hành theo yêu cầu của cải cách hành chính nhà nước từng giai đoạn;

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ về cải cách hành chính của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong tổ chức triển khai nội dung cải cách tổ chức bộ máy; chế độ công vụ, công chức; lao động, tiền lương; bảo hiểm xã hội; việc làm; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; thanh niên; bình đẳng giới; văn thư, lưu trữ nhà nước; thi đua, khen thưởng và công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

9. Về chính quyền địa phương

a) Tham mưu, giúp Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

b) Tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

d) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

đ) Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ.

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, kiểm tra tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo khung số lượng do Chính phủ quy định.

g) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

10. Về địa giới đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Thực hiện công tác quản lý địa giới đơn vị hành chính, hồ sơ, mốc, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Lập hồ sơ đề án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, hoàn thiện hồ sơ, văn bản gửi Bộ Nội vụ để tổ chức thẩm định,

trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới, đổi tên đơn vị hành chính và giải quyết trường hợp chưa thống nhất về địa giới đơn vị hành chính tỉnh, cấp xã; phân loại đơn vị hành chính tỉnh; công nhận vùng an toàn khu.

c) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận xã đảo, xã an toàn khu; phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

d) Triển khai thực hiện các đề án, văn bản liên quan đến địa giới đơn vị hành chính, hồ sơ, mốc, bản đồ địa giới đơn vị hành chính sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định.

11. Về cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác; việc quản lý đối với người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; người hoạt động không chuyên trách theo quy định của Đảng, của pháp luật và quy định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan Đảng có thẩm quyền.

c) Các nội dung khác liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách thực hiện theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền.

12. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác theo quy định của Đảng, của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thực hiện bồi dưỡng, tập huấn theo yêu cầu vị trí việc làm trong ngành, lĩnh vực được giao quản lý đối với công chức, viên chức và người làm công tác ở ngành, lĩnh vực đó.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bố trí, phân bổ kinh phí đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gửi Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

13. Về tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ theo quy định của pháp luật về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ và quy định pháp luật có liên quan.

b) Tham mưu về hoạt động chữ thập đỏ ở địa phương theo quy định của pháp luật.

14. Về văn thư, lưu trữ nhà nước

a) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục cơ quan, tổ chức của Nhà nước không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Lưu trữ nộp hồ sơ, tài liệu vào Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hủy tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh; quyết định việc mang tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh ra nước ngoài; phê duyệt danh mục tài liệu lưu trữ tiếp cận có điều kiện tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh; công nhận, hủy bỏ việc công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt đối với tài liệu lưu trữ tư và tài liệu lưu trữ của cơ quan, tổ chức thuộc địa bàn quản lý, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh; cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ theo thẩm quyền quản lý; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ của địa phương, cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam theo thẩm quyền quản lý.

d) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ theo đề nghị của tổ chức kinh doanh dịch vụ lưu trữ theo quy định của pháp luật.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh; chỉ đạo Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

15. Về thanh niên và bình đẳng giới

a) Tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án phát triển thanh niên tại địa phương; bình đẳng giới và công tác cán bộ nữ; Thắt lưng buộc bụng vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

b) Thực hiện hoặc hướng dẫn lồng ghép các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển thanh niên; vấn đề bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới khi xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hằng năm và từng giai đoạn.

c) Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc giải quyết những vấn đề liên ngành về thanh niên và công tác thanh niên, về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

d) Thực hiện công tác thống kê, quản lý, khai thác và công bố dữ liệu thống kê về thanh niên, chỉ số phát triển thanh niên tại địa phương; hướng dẫn và tổ chức thực hiện thu thập, tổng hợp, báo cáo số liệu thống kê định kỳ của địa phương về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, các chỉ tiêu thống kê quốc gia về giới, công tác cán bộ nữ.

đ) Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy định, chính sách, pháp luật đối với thanh niên và công tác thanh niên; bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên địa bàn.

e) Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên và bình đẳng giới theo từng lĩnh vực cụ thể.

16. Về thi đua, khen thưởng

a) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời.

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức các phong trào thi đua; hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh thực hiện các phong trào thi đua và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

c) Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; quản lý, cấp phát, thu hồi, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng theo quy định của pháp luật.

đ) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Làm nhiệm vụ thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

17. Về lĩnh vực việc làm

a) Tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch dài hạn và hằng năm, dự án, đề án về việc làm, hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động, dịch vụ việc làm, bảo hiểm thất nghiệp, tuyển dụng và quản lý lao động tại Việt Nam theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; thu thập, lưu trữ, tổng hợp, phân tích, dự báo, phổ biến và quản lý thông tin thị trường lao động của tỉnh.

b) Hướng dẫn và thực hiện chính sách hỗ trợ tạo việc làm, chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dịch vụ việc làm tại tỉnh.

d) Thực hiện chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; cấp, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật lao động.

đ) Thực hiện quản lý nhà nước về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

18. Về lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Nhận và ban hành văn bản chấp thuận chuẩn bị nguồn lao động cho doanh nghiệp dịch vụ theo thẩm quyền quản lý.

b) Nhận báo cáo và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài theo thẩm quyền quản lý.

c) Nhận báo cáo sau khi doanh nghiệp hoàn thành hợp đồng trúng thầu, nhận thầu ở nước ngoài; yêu cầu doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài báo cáo đột xuất theo quy định.

d) Nhận báo cáo và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

đ) Nhận và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp thực hiện đăng ký đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài có thời gian từ 90 ngày trở lên theo thẩm quyền quản lý.

e) Ban hành văn bản chấp thuận đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài.

g) Nhận danh sách và xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài.

h) Ban hành văn bản gửi ngân hàng nhận ký quỹ đề nghị trả tiền ký quỹ cho doanh nghiệp (đối với hợp đồng đào tạo nghề có thời gian đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài từ 90 ngày trở lên) theo thẩm quyền quản lý.

i) Cung cấp thông tin chính sách, pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trực tiếp giao kết.

k) Cung cấp thông tin về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động để người lao động sau khi kết thúc hợp đồng ở nước ngoài về nước lựa chọn việc làm phù hợp với kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ nghề nghiệp được tích lũy sau quá trình làm việc ở nước ngoài.

l) Hỗ trợ người lao động sau khi về nước tiếp cận dịch vụ tư vấn tâm lý xã hội tự nguyện nhằm hòa nhập xã hội.

19. Về lĩnh vực lao động, tiền lương

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể, giải quyết tranh chấp lao động và đình công, chế độ đối với người lao động trong sắp xếp, tổ chức lại, bán, cho thuê, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã; giải thể, phá sản doanh nghiệp; trong sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương trong khu vực sản xuất kinh doanh.

c) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới, người lao động cao tuổi, lao động là người khuyết tật, lao động chưa thành niên, lao động là người giúp việc gia đình và một số lao động khác.

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về cho thuê lại lao động tại địa phương.

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật lao động về việc đăng ký và quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

20. Về lĩnh vực bảo hiểm xã hội

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị trong đó đề xuất phương án xử lý (nếu có) với các Bộ, ngành có liên quan giải quyết những vấn đề về bảo hiểm xã hội thuộc thẩm quyền.

c) Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện xác định số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tạm thời nghỉ việc đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý xin tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

d) Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan có liên quan triển khai tổ chức thực hiện tuyên truyền bảo hiểm xã hội trên địa bàn.

21. Về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

b) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi trong phạm vi địa phương; Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động.

c) Hướng dẫn và triển khai công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa đặc thù.

d) Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính về an toàn vệ sinh lao động, sản phẩm hàng hóa đặc thù được phân cấp;

đ) Hướng dẫn về công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

e) Chủ trì, phối hợp tổ chức điều tra tai nạn lao động chết người, tai nạn lao động làm bị thương nặng từ 02 người lao động trở lên; điều tra lại các vụ tai nạn lao động và phối hợp với ngành y tế điều tra bệnh nghề nghiệp theo đề nghị của cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

g) Hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trên địa bàn; tổ chức thu thập, lưu trữ thông tin về tình hình tai nạn lao động; công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng xảy ra tại địa phương.

h) Tiếp nhận tài liệu thông báo việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động trên địa bàn quản lý.

22. Về lĩnh vực người có công

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng.

b) Triển khai thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ; quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ theo phân cấp trên địa bàn.

c) Chủ trì, phối hợp tổ chức công tác tiếp nhận và an táng hài cốt liệt sĩ theo phân công hoặc phân cấp; thông tin, báo tin về mộ liệt sĩ; thăm viếng mộ liệt sĩ, di chuyển hài cốt liệt sĩ.

d) Quản lý đối tượng, hồ sơ đối tượng và kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của họ.

đ) Hướng dẫn và tổ chức các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”; quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa tỉnh.

23. Về công tác dân chủ, dân vận

a) Tham mưu, tổ chức thi hành pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn.

b) Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn.

c) Tổng hợp, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn khi được yêu cầu.

d) Tham mưu, triển khai thực hiện công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp theo quy định của Đảng, quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

24. Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

25. Phối hợp, hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

26. Thực hiện hợp tác quốc tế về ngành, lĩnh vực quản lý và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

27. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

28. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu lĩnh vực nội vụ tại tỉnh bảo đảm thống nhất, đồng bộ, kết nối và chia sẻ.

29. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao thuộc phạm vi quản lý nhà nước với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ.

30. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

31. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực nội vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nội vụ.

32. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng và phòng chuyên môn nghiệp vụ, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ; mối quan hệ công tác và trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ theo quy định của pháp luật.

33. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm, tỷ lệ công chức cần bố trí theo từng vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

34. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

35. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi được phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Mỹ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01732/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc áp dụng và bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật trong
lĩnh vực an ninh, trật tự do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ)
và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành
trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày
25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc
sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định
chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn
bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày
01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 0219/NQ-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh về
việc thông qua dự thảo Quyết định về việc áp dụng và bãi bỏ các quyết định quy
phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự do UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và
UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính
cấp tỉnh và dự thảo Thông báo Danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh
vực an ninh, trật tự do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành tiếp tục có
hiệu lực theo địa giới hành chính trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 121/TTr-CAT ngày 24/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng các quyết định

Áp dụng thống nhất các quyết định quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới), bao gồm:

1. Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành

a) Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế bảo đảm an toàn an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

b) Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý cư trú và hoạt động của người nước ngoài tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

c) Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

d) Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định về trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

đ) Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

e) Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

g) Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành

a) Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy chế phối hợp tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh.

b) Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

c) Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

d) Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh Phú Yên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên theo Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Phú Yên.

đ) Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh Phú Yên quy định khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Bãi bỏ các quyết định

Bãi bỏ toàn bộ các quyết định quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm:

1. Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành

Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành

a) Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Quyết định số 78/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Phú Yên quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

c) Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 03/01/2025 của UBND tỉnh Phú Yên quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

d) Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy chế bảo đảm an toàn an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Mỹ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0127/TB-UBND

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành tiếp tục có hiệu lực theo địa giới hành chính trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ số 0508/UBND-NC ngày 11/7/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện khoản 20 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 sau hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 0219/NQ-UBND ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh về việc thông qua dự thảo Quyết định về việc áp dụng và bãi bỏ các quyết định quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự do UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và dự thảo Thông báo Danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành

tiếp tục có hiệu lực theo địa giới hành chính trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Để hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính cũ sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; đảm bảo tính công khai, minh bạch, thuận lợi trong việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành trong lĩnh vực an ninh, trật tự tiếp tục có hiệu lực theo địa giới hành chính trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cụ thể như sau:

Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Vậy, UBND tỉnh thông báo Danh mục văn bản để các sở, ban, ngành, HĐND, UBND các xã, phường và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết, triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Mỹ

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 09 Lê Duẩn - phường Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại: 0262 8585868
E-mail: congbao@daklak.gov.vn